

BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Sikafloor®-161 HC

Sơn lót, chất kết dính epoxy đa năng cho vữa cán nền tự san phẳng.

MÔ TẢ

Sikafloor®-161 HC là nhựa epoxy đa năng 2 thành phần có độ nhớt thấp dùng để sơn lót và tự san phẳng cho nền bê tông xi măng.

ỨNG DỤNG

Sikafloor®-161 HC nên được thi công bởi những nhà thầu chuyên nghiệp.

- Lớp lót cho mặt nền bê tông, vữa cán nền gốc xi măng và epoxy.
- Sử dụng cho mặt nền có độ hấp thụ từ thấp tới thông thường.
- Lớp lót cho các hệ thống sàn Epoxy Sikafloor®-.
- Chất kết dính cho vữa tự san phẳng và vữa trát.

ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Độ nhớt thấp.
- Khả năng thẩm thấu cao.
- Cường độ bám dính cao.
- Không dung môi.
- Dễ sử dụng.
- Thời gian chờ ngắn.
- Đa ứng dụng.

TÍNH BỀN VỮNG

Phù hợp với chứng chỉ LEED v4 EQ: Vật liệu phát thải thấp.

SỰ PHÊ CHUẨN / TIÊU CHUẨN

- Hàm lượng VOC đạt yêu cầu LEED v4.1 (Hàm lượng VOC), Report no. 392-2022-10179004_XG_EN, Eurofins Product Testing, Denmark, June 2022.
- Phát thải VOC đạt CDPH, Report no. 392-2022-00179001_H_EN, Eurofins Product Testing, Denmark, May 2022.

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Gốc hoá học	Epoxy		
Đóng gói	Thành phần A : (thùng) 280 kg, 15.8 kg can, 7.9 kg. Thành phần B : (thùng) 200 kg, 4.2 kg can, 2.1 kg. Thành phần A+B : 20 kg/bộ và 10 kg/bộ (A+B).		
Hạn sử dụng	24 tháng kể từ ngày sản xuất nếu được lưu trữ đúng cách trong bao bì còn nguyên, chưa mở.		
Điều kiện lưu trữ	Lưu trữ ở nơi khô ráo ở nhiệt độ từ +18 °C đến +30 °C.		
Ngoại quan / Màu sắc	Thành phần A – Nhựa :	Chất lỏng màu nâu nhạt.	
	Part B – Chất làm cứng :	Chất lỏng không màu.	
Tỷ trọng	Thành phần A:	~1.6 kg/L	(DIN EN ISO 2811-1)
	Thành phần B:	~1.0 kg/L	(+23 °C)
	Hỗn hợp (A+B) :	~1.4 kg/L	

Hàm lượng chất rắn theo khối lượng ~100%

Hàm lượng chất rắn theo thể tích ~100%

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Cường độ nén 28 ngày (+23 °C) ~60 N/mm² (nhựa) (EN 196-1)

Cường độ kéo khi uốn 28 days (+23 °C) ~30 N/mm² (nhựa) (EN 196-1)

Cường độ bám dính > 1.5 N/mm² (phá hủy trong bê tông) (ISO 4624)

Nhiệt độ làm việc

Tiếp xúc*

Thời gian dài + 50°C

Thời gian ngắn, tối đa 7 ngày +60 °C

Ghi chú: Tiếp xúc với nguồn nhiệt ẩm không thường xuyên lên đến 60°C (ví dụ như vệ sinh bằng hơi nước).

* Không tiếp xúc đồng thời với tác nhân hóa học và cơ học, và chỉ trong trường hợp sử dụng kết hợp với hệ thống sơn sàn epoxy Sikafloor có chiều dày khoảng 3-4 mm có rắc cát.

KHÁNG HOÁ CHẤT

Kháng với nhiều loại hóa chất. Vui lòng tham khảo bảng hóa chất chi tiết.

THÔNG TIN HỆ THỐNG

Các hệ thống

Lớp lót:

Bề mặt bê tông rỗng trung 1 x Sikafloor®-161 HC

bình/thấp:

Bề mặt bê tông rỗng cao: 2 x Sikafloor®-161 HC

Vữa san phẳng mịn (độ thô mặt <1 mm)

Lớp lót 1 x Sikafloor®-161 HC

Vữa san phẳng: 1 x Sikafloor®-161 HC + cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + Extender (Chất độn).

Vữa san phẳng trung bình (độ thô mặt đến 2 mm)

Lớp lót 1 x Sikafloor®-161 HC

Vữa san phẳng: 1 x Sikafloor®-161 HC + cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + Extender (Chất độn).

Vữa tự san phẳng (tự san phẳng từ 1.5 - 2 mm)

Lớp lót 1 x Sikafloor®-161 HC

Vữa san phẳng: 1 x Sikafloor®-161 HC + cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm).

Lớp kết nối:

Lớp kết nối 1 x Sikafloor®-161 HC

Lớp cán nền (bề dày từ 15 mm đến 20 mm) / Vữa sửa chữa:

Lớp lót 1 x Sikafloor®-161 HC

Lớp kết nối 1 x Sikafloor®-161 HC

Lớp cán nền: 1 x Sikafloor®-161 HC + hỗn hợp cát phù hợp

Các tỉ lệ hỗn hợp cát dưới đây mang tính chất biểu thị, phải được xác định bằng những thử nghiệm trước. Phân bố kích thước hạt cho bề dày 15-20 mm, theo khối lượng (%):

- 25 % cát thạch anh 0,1–0,5 mm
- 25 % cát thạch anh 0,4–0,7 mm
- 25 % cát thạch anh 0,7–1,2 mm
- 25 % cát thạch anh 2–4 mm

Chú ý: Kích thước hạt cát lớn nhất không quá 1/3 bề dày lớp hoàn thiện.

Phụ thuộc vào dạng hạt và nhiệt độ thi công, nên chọn được tỉ lệ hỗn hợp

Bản chi tiết sản phẩm

Sikafloor®-161 HC

Tháng Mười Hai 2023, Hiệu đính lần 04.01

020811020010000053

BUILDING TRUST



THÔNG TIN THI CÔNG

Tỷ lệ trộn	Thành phần A : thành phần B = 79 : 21 (theo khối lượng)		
Định mức	Hệ thống phủ	Sản phẩm	Định mức
	Lớp lót	Sikafloor®-161 HC	0.35 - 0.55 kg/m ²
	Vữa san phẳng mịn (độ thô mặt < 1mm)	1 phần Sikafloor®-161 HC + 0.5 phần cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + 0.015 phần Extender T (theo khối lượng).	1.7 kg/m ² /mm
	Vữa san phẳng mịn trung bình (độ thô mặt đến 2 mm)	1 phần Sikafloor®-161 HC + 1 phần cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + 0.015 phần Extender T (theo khối lượng).	1.9 kg/m ² /mm
	Vữa san phẳng dày (tự san phẳng 1.5 - 3.0 mm)	1 phần Sikafloor®-161 HC + 1 phần cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + rắc cát 0.4 - 0.7mm (nếu cần).	1.9 kg/m ² /mm ~ 4.0 kg/m ²
Lớp kết nối	Sikafloor®-161 HC	0.3 - 0.5 kg/m ²	
Lớp cán (bề dày 15 - 20 mm) / Vữa sửa chữa	1 phần Sikafloor®-161 HC + 8 phần cát thạch anh (theo khối lượng)	2.2 kg/m ² /mm	
<p>Chú ý: Định mức trên là theo lý thuyết và không bao gồm vật liệu thêm vào do độ rỗng bề mặt, dạng bề mặt, độ bằng phẳng, các loại hao phí hoặc bất cứ thay đổi khác.... Thi công khu vực thử nghiệm trước để xác định chính xác định mức theo điều kiện bề mặt nền cụ thể và thiết bị thi công đã đề xuất.</p>			
Nhiệt độ môi trường	Từ +10 °C đến +30 °C.		
Độ ẩm không khí tương đối	Tối đa 80 %.		
Điểm sương	Cẩn trọng với sự ngưng tụ! Nhiệt độ bề mặt và sàn phải cao hơn điểm điểm sương ít nhất là 3°C để giảm thiểu rủi ro do ngưng tụ hoặc phòng rộp trong lớp hoàn thiện.		
Nhiệt độ bề mặt	Từ +10 °C đến +30 °C.		
Độ ẩm bề mặt	Độ ẩm bề mặt < 4 % (theo khối lượng). Phương pháp thử: Máy đo Sika®-Tramex, phương pháp đo CM hoặc Phương pháp sấy khô. Không tăng độ ẩm theo ASTM (Polyethylene-sheet).		
Thời gian thi công	Nhiệt độ	Thời gian	
	+10 °C	~50 phút	
	+20 °C	~25 phút	
	+30 °C	~15 phút	
Thời gian chờ / Lớp phủ	Trước khi thi công sản phẩm (không dung môi) trên lớp Sikafloor®-161 HC cho phép:		
	Nhiệt độ bề mặt	Tối thiểu	Tối đa
	+10 °C	24 giờ	4 ngày
	+20 °C	12 giờ	2 ngày
	+30 °C	8 giờ	24 giờ
	Trước khi thi công sản phẩm (có chứa dung môi) trên lớp Sikafloor®-161 HC cho phép:		

Nhiệt độ bề mặt	Tối thiểu	Tối đa
+10 °C	36 giờ	6 ngày
+20 °C	24 giờ	4 ngày
+30 °C	16 giờ	2 ngày

Thời gian chỉ mang tính tương đối và phụ thuộc vào điều kiện nhiệt độ môi trường và độ ẩm.

Sản phẩm hoàn thiện	Nhiệt độ	Đi bộ	Tải trọng thấp	Sử dụng hoàn toàn
	+10 °C	~24 giờ	~6 ngày	~10 ngày
	+20 °C	~12 giờ	~4 ngày	~7 ngày
	+30 °C	~8 giờ	~2 ngày	~5 ngày

Ghi chú: Thời gian chỉ mang tính tương đối và phụ thuộc vào điều kiện nhiệt độ và bề mặt nền.

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này đều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Để biết thông tin và được tư vấn về an toàn sử dụng, lưu trữ và thải bỏ sản phẩm thuộc nhóm hóa chất, người sử dụng nên tham khảo Tài Liệu An Toàn Sản Phẩm mới nhất (sẵn sàng khi có yêu cầu) về lý tính, sinh thái, tính độc hại và tài liệu an toàn liên quan khác.

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

CHẤT LƯỢNG BỀ MẶT

- Bề mặt bê tông phải đặc chắc với cường độ nén tối thiểu là 25 N/mm² và cường độ kéo tối thiểu là 1.5 N/mm².
- Bề mặt nền phải sạch, khô ráo và không lẫn tạp chất bẩn, dầu mỡ, sơn phủ và các chất xử lý bề mặt....

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Chuẩn bị bề mặt theo biện pháp cơ học

Khi xử lý cơ học bề mặt, phải đảm bảo làm lộ tất cả các lỗ rỗ, lỗ hổng.

- Loại bỏ bề mặt nền xi măng yếu.
 - Chuẩn bị bề mặt bằng biện pháp cơ học bằng các thiết bị làm sạch như mài mòn, bắn nhám, loại bỏ bột xi măng trên mặt nền.
 - Trước khi thi công lớp nhựa mỏng, cần mài để loại bỏ các điểm nhô cao.
 - Sử dụng thiết bị hút công nghiệp để loại bỏ toàn bộ bụi bẩn, vật liệu rời, liên kết yếu khỏi bề mặt nền trước khi thi công Sản phẩm.
 - Sửa chữa lỗ rỗ, lỗ hổng, làm sạch và tạo phẳng bề mặt bằng các dòng sản phẩm như Sikafloor®, Sikadur® and Sikagard® trước khi thi công sản phẩm.
- Liên hệ Phòng Kỹ Thuật Sika để nắm bắt thêm thông tin các sản phẩm sửa chữa và tạo phẳng bề mặt.

Xử lý mối nối và nứt.

Các mối nối và các vết nứt bề mặt trên các bề mặt nền

cần được xử lý trước khi thi công toàn bộ bề mặt bằng các sản phẩm thích hợp như Sikadur® or Sikafloor®.

TRỘN

Quy trình trộn

- Khuấy đều thành phần A trước khi trộn. Sau khi thêm toàn bộ thành phần B vào thành phần A, trộn đều trong 3 phút để đạt được hỗn hợp có độ sệt đồng nhất.
- Thêm cát sau khi trộn đều thành phần A và B. Cho thêm Sika Extender T và trộn trong vòng 2 phút để đạt được độ đồng nhất nếu yêu cầu.
- Đổ hỗn hợp san một thùng khác và trộn tiếp để đảm bảo hỗn hợp được đồng nhất.
- Không trộn quá lâu để giảm hiện tượng cuốn khí.

Ghi chú: Cần sử dụng thêm Sika® Extender T hoặc Sikafloor® Quartz Flour để tăng độ nhớt của Sản phẩm.

Thiết bị trộn

Sikafloor®-161 HC phải được trộn bằng máy khuấy điện có tốc độ (300 - 400 vòng/ phút) hoặc các dụng cụ phù hợp. Để chuẩn bị vữa nên sử dụng máy trộn cưỡng bức dạng chảo, có lưỡi đánh. Không sử dụng máy trộn rơi tự do.

THI CÔNG

Ngăn ẩm

Trước khi thi công, cần xác định độ ẩm bề mặt, độ ẩm tương đối và điểm sương.

Nếu độ ẩm > 4% (theo khối lượng), cần sử dụng Sikafloor® EpoCem® như hệ thống ngăn ẩm tạm thời (TMB).

Sau khi thi công, Bảo vệ Sản phẩm khỏi ẩm ướt, ngưng tụ và tiếp xúc trực tiếp với nước ít nhất 24 giờ.

Lỗ kim.

Nếu Sản phẩm được thi công trên bề mặt nền rỗng xốp khi nhiệt độ tăng, lỗ kim sẽ hình thành khi không khí đẩy lên.

- Thi công Sản phẩm khi nhiệt độ giảm.

Lấp kín lỗ kim.

Nếu lỗ kim xuất hiện sau khi Sản phẩm ráo, hiện tượng phồng rộp có thể xảy ra ở các lớp tiếp theo. Các bước lấp kín lỗ kim như sau:

- Mài nhẹ bề mặt đã xử lý.
- Thi công một lớp hỗn hợp vật liệu bao gồm Sikafloor®-161 HC với Sikafloor® Quartz Flour hoặc Sika® Extender T.

Bản chi tiết sản phẩm

Sikafloor®-161 HC

Tháng Mười Hai 2023, Hiệu đính lần 04.01

020811020010000053

BUILDING TRUST



Quy trình thi công lớp lót.

1. Đổ Sản Phẩm đã trộn trên bề mặt nền. Lưu ý định mức đã được quy định trong thông tin hướng dẫn kỹ thuật.
2. Phủ đều Sản phẩm trên toàn bộ mặt nền bằng con lăn đỉnh ngắn hoặc chổi cao su.
3. Lăn lại bề mặt theo hai hướng vuông góc bằng con lăn rulo lông. Lưu ý duy trì dụng cụ trạng thái "ướt" trong quá trình thi công để đảm bảo lớp sơn hoàn thiện được liền mạch.
4. Đợi 15 - 30 phút để rải cát thạch anh lên bề mặt nếu yêu cầu. Rải nhẹ từ ít tới nhiều, không rải quá mức.
5. Xác định được thời gian chờ và thời gian phủ trước khi thi công các sản phẩm tiếp theo. (Tham khảo phần "thời gian chờ để phủ" trong bảng thông số sản phẩm). Khi sản phẩm đã đủ cứng, cần loại bỏ hết cát rời bằng máy hút công nghiệp.

Lớp vữa san phẳng

Dụng cụ:

- Chổi cao su
 - Bay
1. Đổ sản phẩm đã trộn lên bề mặt nền. Lưu ý định mức đã được quy định trong thông tin hướng dẫn kỹ thuật.
 2. Phủ đều Sản phẩm trên toàn bộ mặt nền bằng bay hoặc chổi cao su.

Lớp kết nối

1. Đổ Sản Phẩm đã trộn trên bề mặt nền. Lưu ý định mức đã được quy định trong thông tin hướng dẫn kỹ thuật.
2. Phủ đều Sản phẩm trên toàn bộ mặt nền bằng cọ, con lăn rulo lông, hoặc chổi cao su.
3. Lăn lại bề mặt theo hai hướng vuông góc bằng con lăn rulo lông. Lưu ý duy trì dụng cụ trạng thái "ướt" trong quá trình thi công để đảm bảo lớp sơn hoàn thiện được liền mạch.
4. (Nếu cần) thi công thêm lớp lót thứ hai.

Lớp Epoxy cán nền

Không phù hợp khi tiếp xúc với nước.

Sản phẩm không phù hợp khi tiếp xúc với nước trừ khi có lớp phủ bảo vệ.

1. Đổ sản phẩm đã trộn lên ở trạng thái "ướt trên ướt" lên lớp lót vẫn còn dính. Chú ý định mức được quy định trong thông tin kỹ thuật của sản phẩm.
2. Phủ dàn trải và đầm chặt Sản phẩm bằng bay để đạt bề dày yêu cầu giữa thanh ray/ván nền nếu được lắp đặt.
3. San phẳng bề mặt nền bằng thước thanh nẹp hoặc thanh gạt.
4. Hoàn thiện bề mặt theo yêu cầu bằng bay hoặc máy xoa nền có gắn lớp teflon.

Vữa sửa chữa

1. Đổ sản phẩm đã trộn lên ở trạng thái "ướt trên ướt" lên lớp lót vẫn còn dính.
2. Thi công sản phẩm đạt bề dày yêu cầu bằng bay.
3. Đầm chặt sản phẩm bằng bay.
4. Xác định được thời gian chờ và thời gian phủ trước

khi thi công các sản phẩm tiếp theo. (Tham khảo phần "thời gian chờ để phủ" trong bảng thông số sản phẩm). Làm phẳng bề mặt bằng bay.

VỆ SINH DỤNG CỤ

Vệ sinh, làm sạch tất cả các dụng cụ/thiết bị bằng Thinner C ngay sau khi sử dụng. Vật liệu đã khô cứng chỉ có thể loại bỏ bằng phương pháp cơ học.

GIỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

LƯU Ý PHÁP LÝ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam
Tel: (84-251) 3560 700
Fax: (84-251) 3560 699
sikavietnam@vn.sika.com
vnm.sika.com



Bản chi tiết sản phẩm

Sikafloor®-161 HC
Tháng Mười Hai 2023, Hiệu đính lần 04.01
020811020010000053

Sikafloor-161HC-vi-VN-(12-2023)-4-1.pdf

